

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HC-ST
Ngày 21 tháng 5 năm 2021
*V/v khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hà và bà Lê Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 33/2020/TLST-HC ngày 22 tháng 10 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 05/2021/QĐXXST-HC ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty NT

Địa chỉ: CN8, Cụm Công nghiệp T, TP B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Khắc T – Chức vụ: Giám đốc Công ty - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Quốc H – Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty – Có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Đắk Nông

Địa chỉ: Xã Q, huyện G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Phó Chủ tịch (*Văn bản ủy quyền số: 10/GUQ-UBND ngày 28/10/2020*) – Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Huy L; địa chỉ: Ban quản lý Dự án và Phát triển quỹ đất huyện G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, những người đại diện của người khởi kiện trình bày:

Ngày 22/9/1998, ông Lê Khắc T ký hợp đồng liên doanh liên kết số 06/HĐLDLK với Lâm trường Q (nay là Xí nghiệp Lâm nghiệp Q) về việc trồng cà phê, cao su trên diện tích 200ha tại tiểu khu 1028, 1031 (nay là Tiểu khu 1769) thuộc Lâm trường Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (cũ). Ngày 10/11/2000, hai bên ký Biên bản giao khoán thêm 06ha tại tiểu khu 1028 và 1031. Năm 2002, Công ty NT được thành lập, ông Lê Khắc T và 02 thành viên sáng lập đã ký biên bản thỏa thuận bàn giao toàn bộ dự án liên doanh, liên kết với Lâm trường Q cho Công ty NT, xác định đây là tài sản của Công ty NT. Ngày 22/11/2005, Lâm trường Q ban hành Quyết định số 27/QĐ-LT đồng ý chuyển đổi chủ thể Hợp đồng liên doanh liên kết số 06/HĐLDLK từ cá nhân ông Lê Khắc T sang Công ty NT, Công ty có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục thuê đất 50 năm theo quy định.

Khi Công ty đang làm thủ tục thuê đất thì ngày 26/9/2007, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1267/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 1267) thu hồi tổng thể 1.195,88 ha đất giao cho Ban Quản lý dự án Thủy điện 6 để xây dựng khu tái định canh, định cư xã P, trong đó có diện tích 214 ha của ông Lê Khắc T (Công ty NT) liên doanh, liên kết với Lâm trường Q.

Ngày 05/12/2008, UBND huyện G ban hành Quyết định số 2812/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 2812) phê duyệt Phương án bổ sung (lần 1) bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng Công trình Thủy điện Đồng Nai 3, giá trị bồi thường, hỗ trợ là 3.406.605.678 đồng; theo đó tại phần 14, mục A, phụ lục số 01 kèm theo có bồi thường, hỗ trợ cho Công ty NT là 1.634.043.000 đồng (Trong đó: Tiền hỗ trợ công khai hoang là 1.596.303.600 đồng; tiền hỗ trợ di chuyển mồ mả là 37.740.000 đồng).

Ngày 28/4/2009, Xí nghiệp lâm nghiệp Q (sau khi sáp nhập vào Công ty A) ban hành Quyết định số 94/QĐ hủy bỏ Quyết định số 27/QĐ-LT của Lâm trường về việc thay đổi chủ thể hợp đồng.

Ngày 21/12/2010, UBND huyện G ban hành Quyết định số 3308/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 3308) điều chỉnh phụ lục Quyết định số 2812/QĐ-UBND, theo đó thay đổi đối tượng được bồi thường, hỗ trợ số tiền 1.634.043.600 đồng là ông Lê Khắc T thay cho Công ty NT.

Công ty NT sau đó đã khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 2812 và Quyết định 3308. Tại Bản án phúc thẩm số 01/2013/HCPT ngày 22/01/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã tuyên hủy bỏ phần 14, mục A, phụ lục số I ban hành kèm theo Quyết định số 2812; Hủy bỏ Quyết định số 3308 của UBND huyện G.

Ngày 03/6/2019, UBND huyện G đã ban hành Quyết định số 1068/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 1068) thu hồi 1.596.303.600 đồng tiền bồi thường, hỗ trợ đã chi trả cho Công ty NT (ông Lê Khắc T nhận tiền thay) tại phần 14, mục A, phụ lục số I Quyết định số 2812 với lý do tại phần căn cứ là “Thực hiện Bản án số 01/2013/HCPT của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông”. Tuy nhiên, tại bản án nói

trên không tuyên phải thu hồi số tiền 1.596.303.600 đồng, bên cạnh đó, UBND huyện G chưa xác định bồi thường, hỗ trợ diện tích đất đã thu hồi cho Công ty NT hay cá nhân ông T hay cho ai khác mà lại ban hành Quyết định 1068 là không đúng pháp luật. Do đó, Công ty NT khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 1068/QĐ-UBND của UBND huyện G.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện của người bị kiện trình bày:

Về căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định: Căn cứ Bản án số 01/2013/HC-PT ngày 22/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, trong đó đã hủy phần 14, mục A, phụ lục số I ban hành kèm theo Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 05/12/2008 và hủy Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện G về bồi thường, hỗ trợ cho Công ty NT; căn cứ công văn số 09/2018/CV-TA ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giải thích bản án.

Về yêu cầu của người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định: Thực hiện Quyết định 1267 của UBND tỉnh Đ về thu hồi 1.195,88 ha đất, trong đó có diện tích 214 ha của ông Lê Khắc T (Công ty NT), UBND huyện đã chỉ đạo Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư huyện thực hiện việc kê khai, kiểm kê đất và tài sản trên đất, xác định nguồn gốc đất đai để lập thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật. Tổng diện tích đã thực hiện xong việc kiểm kê và bồi thường là 81 ha (làm tròn số), còn lại 133 ha (làm tròn số) chưa kiểm kê do Ban Quản lý dự án Thủy điện 6 không cung cấp bản đồ giải thửa.

Sau đó, trên cơ sở Thông báo số 115/TB-UBND ngày 10/11/2008 của UBND tỉnh, UBND huyện G đã ban hành Quyết định 2812 bồi thường, hỗ trợ cho Công ty NT là 1.634.043.000 đồng (Trong đó: Tiền hỗ trợ công khai hoang là 1.596.303.600 đồng; tiền hỗ trợ di chuyển mồ mả là 37.740.000 đồng - đã chuyển tiền qua tài khoản cá nhân của ông T theo Giấy đề nghị số 87/CV-NT ngày 28/9/2008 của Công ty NT).

Ngày 22/01/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Bản án số 01/2013/HCPT nhận định: Quyết định 2812 có sai sót một phần về thủ tục trong việc hỗ trợ đối với 133 ha đất vì trước khi bồi thường, hỗ trợ không tiến hành kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất mà căn cứ vào biên bản phúc tra hiện trạng rừng là không đúng với quy định. Do đó, cần Hủy bỏ phần 14, mục A, Phụ lục số I ban hành kèm theo Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 05/12/2008 của UBND huyện G; Hủy bỏ Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện G.

Thực hiện bản án nêu trên, ngày 03/6/2019, UBND huyện G đã ban hành Quyết định số 1068/QĐ-UBND thu hồi số tiền 1.596.303.600 đồng (là tiền hỗ trợ khai hoang; không thu hồi số tiền 37.740.000 hỗ trợ di chuyển mồ mả) trước đó đã chi trả cho Công ty NT theo phần 14, mục A, phụ lục số I ban hành kèm theo Quyết định số 2812 bị hủy. Ngoài ra, bản án của Tòa án cũng nhận định toàn bộ diện tích 214 ha không thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty NT, Công ty NT không có quyền khởi kiện, nên UBND huyện G ban hành Quyết định 1068 là đúng theo Bản án của Tòa án và đúng theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định. Về nội dung: Sau khi đánh giá, phân tích nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của Công ty NT về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về chủ thể có quyền khởi kiện: Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của UBND huyện G về việc thu hồi số tiền 1.596.303.600 đồng đã bồi thường, hỗ trợ cho Công ty NT trực tiếp điều chỉnh đối tượng là Công ty NT. Do vậy, Công ty NT có quyền khởi kiện.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 1068/QĐ-UBND được UBND huyện G ban hành ngày 03/6/2019. Ngày 01/11/2019, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định là còn thời hiệu khởi kiện 01 năm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3]. Về thẩm quyền giải quyết: Đối tượng khởi kiện là Quyết định số 1068/QĐ-UBND do UBND huyện G ban hành. Căn cứ khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ngày 26/9/2007, UBND tỉnh Đ ban hành quyết định thu hồi 1.195,88 ha đất, trong đó có 214 ha của ông Lê Khắc T (Công ty NT) liên doanh, liên kết với Lâm trường Q.

Ngày 05/12/2008, UBND huyện G ban hành Quyết định số 2812/QĐ-UBND phê duyệt Phương án bổ sung (lần 1) bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; theo đó tại phần 14, mục A, phụ lục số 01 kèm theo có bồi thường, hỗ trợ cho Công ty NT 1.634.043.000đ (Trong đó: Tiền hỗ trợ công khai hoang là 1.596.303.600đ; tiền hỗ trợ di chuyển mồ mả là 37.740.000đ).

Ngày 22/01/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Bản án số 01/2013/HCPT hủy bỏ phần 14, mục A, phụ lục số I ban hành kèm theo Quyết định số 2812.

Thực hiện bản án nêu trên, ngày 03/6/2019, UBND huyện G đã ban hành Quyết định số 1068/QĐ-UBND thu hồi số tiền 1.596.303.600 đồng (là tiền hỗ trợ khai hoang; không thu hồi số tiền 37.740.000 hỗ trợ di chuyển mồ mả) trước đó đã

chi trả cho Công ty NT theo phần 14, mục A, phụ lục số I ban hành kèm theo Quyết định số 2812 bị hủy.

[3]. Xét yêu cầu của người khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Bản án số 01/2013/HC-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi xét xử đã có hiệu lực pháp luật. Mặc dù bản án không trực tiếp tuyên buộc Công ty NT phải hoàn trả số tiền 1.634.043.000 đồng đã nhận theo phần 14, mục A, phụ lục số I Quyết định 2812, nhưng do phần Quyết định này bị hủy, nên việc thu hồi số tiền đã chi trả theo phần Quyết định này là hoàn toàn phù hợp. Đây là hệ quả của một phần quyết định trái pháp luật về việc giải quyết đền bù, hỗ trợ không đúng đối tượng khi Nhà nước thu hồi đất; việc UBND huyện G giải quyết đền bù, hỗ trợ cho đối tượng nào trên số diện tích đất bị thu hồi chưa được giải quyết thì UBND huyện quyết định việc này theo quy định của pháp luật.

Về số tiền thu hồi, Quyết định 1068 chỉ thu hồi 1.596.303.600 đồng là tiền hỗ trợ khai hoang, không thu hồi 37.740.000 tiền hỗ trợ di chuyển mồ mả là không sai. Bởi bản án của Tòa án đã nhận định, Quyết định 2812 chỉ sai sót một phần trong việc bồi thường, hỗ trợ cho Công ty NT khai hoang trồng rừng theo hợp đồng liên doanh liên kết.

[3.2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty NT cho rằng: UBND huyện G chưa xác định bồi thường, hỗ trợ diện tích đất đã thu hồi cho Công ty NT hay cá nhân ông T hay cho ai khác mà lại ban hành Quyết định 1068 là không đúng pháp luật, về yêu cầu này, xét thấy không liên quan đến Quyết định bị khởi kiện. Nếu Công ty NT hay cá nhân ông Lê Khắc T nhận thấy quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện bằng một vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty NT về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Đắk Nông.

2. **Về án phí:** Buộc Công ty NT phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000855 ngày 02/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- UBND tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, THC, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Quốc Hương